

# Xuân Về Ngồi Đọc Kinh Pháp Hoa

(tiếp theo)

4. Thăng-mặc là sợi dây mực, như thợ mộc dùng dây mực căng thẳng hai đầu cây, rồi dùng tay bặt cho sợi dây mực dính vào thân cây được đường mực thẳng, để bỏ đi những chỗ u, chỗ cong, chỗ xấu xí chỉ còn lại cây thẳng thôi. Tụng kinh Pháp Hoa giống như dây mực đi thẳng tới cắt đứt mọi chỗ u, chỗ cong, chỗ xấu, chỗ to, nhỏ, đều bằng phẳng hết. Vì thế mà kinh này không chỉ để cho các vị Tỳ Kheo, các vị Bồ Tát mà cho tất cả chúng sanh có Phật tánh, đều có một ly mực thẳng; khi đã kéo thẳng ra rồi thì bất cứ một ai xuất gia hay tại gia đều như nhau cả. Do đó, cây lớn nhất cắt thành nhỏ hay cây nhỏ muốn cắt thành vừa thì đường thẳng cũng giống như nhau. Sở dĩ có lớn, có nhỏ là do có u, có cong, có đầu lớn, đầu nhỏ, khi chúng ta giăng dây mực thẳng rồi thì tất cả đều bằng nhau. Như ngồi trong chùa tụng kinh Pháp Hoa, dù có ông Hòa Thượng, ông Thượng Tọa, ông Bồ Tát cùng ngồi cũng giống như chúng ta mà thôi.

5. Kiếp ma là hoa đeo, nghĩa là tất cả các hoa riêng rẽ thì không có giá trị, nhưng khi kết lại thành vòng hoa thì rất đẹp đẽ, đặc giá, như ở Ấn Độ người ta thường dùng những vòng hoa đẹp choàng vào cổ những người đạo đức hoặc chức vị lớn. Vì vậy tất cả các pháp từ trước rồi rạc đến nay đều tóm kết hết lại trong kinh Pháp Hoa thành một tràng hoa rất đẹp cho mọi người cùng đeo, như trong kinh Pháp Hoa tóm các thời mà Đức Phật đã nói: Nhơn, Thiên, Thinh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật Thừa.

B. Diệu: Khéo, hay, mầu nhiệm khó bàn, gồm có: Xảo-diệu, Thắng-diệu, Vi-diệu và Tuyệt-diệu.

a. Xảo-diệu có bốn nghĩa: Khéo mở cửa phương tiện, khéo diệt kiến chấp của tiểu, trung và đại thừa, khéo chỉ các tướng chân thật và khéo sanh cho mình cái tự một tức là cái tự tự nhất thừa.

1- Khéo mở cửa phương tiện: Tùy theo căn cơ của chúng sanh mà Đức Phật phương tiện nói pháp để dẫn dắt từ thấp đến cao. Như Ngài nói pháp Thập Thiện cho chư Thiên, nói kinh Ưu Bà Tắc cho cư sĩ tại gia, nói pháp Tứ Đế cho hàng Thinh-Văn, nói pháp Thập-Nhị Nhân-Duyên cho Duyên Giác và nói pháp Lục Độ cho hàng Bồ Tát cuối cùng nói kinh Pháp Hoa cho chúng sanh đồng tiến lên Phật quả. Khi Phật thành đạo dưới cội Bồ-Đề, Chư Thiên thỉnh Ngài nói pháp, Ngài liền nói kinh Hoa Nghiêm chỉ có hàng Bồ Tát mới hiểu được, còn tất cả chúng sanh đều như người điếc

không hiểu gì cả. Ngài thấy trí tuệ của Phật quá cao siêu không thể nói cho chúng sanh, nên có ý định nhập Niết Bàn. Nhưng nếu bây giờ Ngài nhập Niết Bàn thì đi trái lại lời nguyện lúc rời bỏ hoàng cung đi tu là mong tìm được đạo để cứu độ chúng sanh. Ngài liền nghĩ đến chư Phật quá khứ đã dùng cách gì giáo hóa chúng sanh, Ngài thấy các Đức Phật đã dùng pháp phương tiện, do đó Ngài cũng noi theo các Đức Phật trong quá khứ mà dùng phương tiện nói pháp. Rồi, Ngài đến vườn Lộc Uyển nói pháp Tứ Đế cho năm anh em Kiều Trần Như, sau đó Ngài nói kinh A Hàm, Phương Đẳng, kinh Bát Nhã, kinh Pháp Hoa và cuối cùng nói kinh Niết Bàn. Vì vậy ngay Đức Phật còn tại thế không có Tiểu thừa và Đại thừa, Phật tùy theo căn cơ chúng sanh mà nói pháp, đối với kẻ trí nhỏ đến với Ngài thì Ngài nói pháp nhỏ, đối với người trí lớn đến với Ngài thì Ngài nói pháp lớn, chứ không có phân chia Đại thừa và Tiểu thừa.

2- Khéo diệt cái kiến chấp của Tiểu, Trung và Đại thừa: Các kinh không chỗ nào Đức Phật đã phá Tiểu thừa, chỉ có kinh Pháp Hoa Ngài đã mạnh dạn đã phá Tiểu thừa, bởi vì nếu còn mang tâm tư của Tiểu thừa là còn chấp có, lo diệt cái ngã chấp còn pháp chấp, còn chấp có pháp Niết Bàn thanh tịnh, sau khi rời ngã chấp rồi nhập Niết Bàn, kiến chấp của trung thừa nhập Niết Bàn thấy mình là vị Bồ Tát sẽ tùy duyên hóa độ chúng sanh rồi ra bên ngoài, từ trong kiến chấp Bồ Tát này còn cho mình là giác hữu tình, còn pháp Lục Độ để tu. Bây giờ Đức Phật bảo tất cả các thứ đó chỉ là phương tiện mà thôi, ta chỉ nói pháp Nhất thừa.

Vì thế mà ngài Huệ Năng đã nói: “Tâm tạo chư Phật, tâm tạo chúng sanh, tâm tạo liên trì, tâm tạo địa ngục, Tâm vọng động thì muôn ngàn sai biệt, tâm khởi, tâm phạm thì ba món độc trời buộc, tâm thánh thì sáu món thần thông tự tại, tâm không, nhất đạo thanh tịnh, tâm hữu thì vạn cảnh tung hoành. Tự mình đập mây uống nước Cam lồ chẳng có ai cho mình, nằm trên lửa hừng hay uống máu mù cũng tự mình gây, không có trời sanh ra, cũng chẳng do đất mà có. Nếu ai có một chút vọng động trong tâm, thì muôn ngàn sai biệt tâm khởi. Ví dụ hôm nay trăng sáng rất đẹp, nhưng mỗi người nhìn trăng thì lại khác nhau. Đối với thi sĩ thì nhìn trăng đẹp, họ liền làm thơ nhưng mỗi ông làm thơ theo tâm trạng vui buồn của mình như cụ Nguyễn Du thì:

“Vàng trăng ai xé làm đôi,  
Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường”.

Với Lưu Trọng Lư thì:

“Vầng trăng lên mái tóc mây,  
Một hồn thu lạnh mơ say hương nồng.  
Mắt em là một dòng sông,  
Thuyền ta bơi lặn trong dòng mắt em.” (Trăng Lên)

Với Hàn Mặc Tử thì:

“Trăng nằm sóng soãi trên cành liễu,

Đợi gió đông về để là loi...  
 Hoa lá ngây tình không muốn động,  
 Lòng em hồi hộp, chị Hằng ơi...” (Bên Lén)

Với Xuân Diệu thì:

“Trăng nhập vào đây cung nguyệt lạnh,  
 Trăng thương, trăng nhớ, hồi trăng ngân!  
 Đàn buồn, đàn lặng, ôi đàn chậm,  
 Mỗi giọt rơi tàn như lệ ngân.” (Nguyệt Cầm)

Với Nguyễn Bính thì:

“Quê tôi có gió bốn mùa,  
 Có trăng giữa tháng có chùa quanh năm.  
 Chuông hôm gió sớm trăng rằm,  
 Chỉ thanh đạm thế âm thầm thế thôi.  
 Mai này tôi bỏ quê tôi,  
 Bỏ trăng, bỏ gió, chao ôi bỏ chùa!”

Với Đinh Hùng thì:

“Da thịt lên màu trăng đã thú,  
 Em về phơi phơi gió hàng mi.  
 Vàng trăng khuyết sử tròn bao kiếp?  
 Hơi thở đầu tiên ước hẹn gì?” (Tiếng Sáo Tiền Định)

Với bà Đoàn Thị Điểm trong bản dịch Chinh Phụ Ngâm  
 Khúc thì:

“Hoa giải nguyệt, nguyệt in một tấm,  
 Nguyệt lồng hoa, hoa thắm từng bông.  
 Nguyệt hoa, hoa nguyệt trùng trùng,  
 Trước hoa dưới nguyệt trong lòng xiết đau!”

Với Tản Đà thì:

“Đêm thu buồn lắm chị Hằng ơi!  
 Trần thế em đây chán lắm rồi...”

Với Đông Minh thì:

“Trăng lội nước, trăng leo đồi,  
 Trăng nằm cành liễu, trăng phơi nóc chùa.  
 Trăng buồn cánh vật áo mờ,  
 Trăng cười tỏ rạng bên bờ hồ ao,  
 Trăng đầu ngõ, trăng cuối rào,  
 Trăng treo đỉnh núi, trăng vào đại dương.”

Với thi sĩ khác thì:

“Rung rinh gió thổi lưng trời,  
 Lũng lơ trong cõi sáng ngời hương thơm,  
 Ta cùng trăng gió nước non,  
 Mãi vui quên cả Xuân mòn mãi qua.”

Đối với người làm nông khi nhìn trăng thì:

“Trăng có vàng thì chắc là hạn, trăng có tắng thì chắc mưa”  
 nên tính kỹ lại và những đêm trăng thì dân làng thường hội  
 họp vui chơi:

“Sáng trăng trải chiếu hai hàng,  
 Bên anh đọc sách, bên nàng quay tơ...”

Đối với cặp tình nhân vào một đêm trăng cùng ngồi với  
 nhau tâm sự, thề nguyện như trong Kiều:

“Vàng trăng vàng vạc giữa trời,  
 Đình ninh hai miệng một lời song song.”

Nhưng đối với người thiếu phụ trông chồng đi vắng, suốt hai  
 mươi năm nuôi con và mẹ chồng, ngồi dưới trăng quay tơ  
 nghe tiếng đé kêu, lòng buồn khổ vô cùng, như trong Chinh  
 Phụ Ngâm đã diễn tả:

“Trời thăm thăm xa vời khôn thấu,  
 Nỗi nhớ chàng đau đáu nào xong.  
 Cảnh buồn người thiết tha lòng,  
 Hình cây sương đượm tiếng trùng mưa phun.”

Đối với trẻ con thì gặp đêm trăng chúng rất mừng, bởi vì  
 chúng có dịp để chơi các trò chơi hoặc đi bắt dế đũa giỡn.

Vì vậy, cũng cùng một hoàn cảnh, nhưng mỗi người lại có  
 cái nhìn khác nhau. Ví dụ như chất Huỳnh Liên là loại đắng,  
 đường phèn ngọt nhất, nếu bây giờ ta ngậm đường phèn vào  
 miệng, sau đó ngậm cam vào nó vẫn ngọt; nhưng nếu, ta  
 ngậm Huỳnh Liên vào miệng rồi ngậm các thứ khác nó vẫn  
 đắng. Như vậy các vật không đắng cũng không ngọt, đắng  
 ngọt là do tâm ta mà thôi. Do đó những người buôn bán đi  
 đến chùa chắc không vui lắm, bởi vì họ đến đây không có  
 thứ gì giúp họ kiếm ra tiền cả, nhưng đối với người Phật tử  
 đến chùa tụng kinh là nguồn vui cho họ. Người đi buôn  
 kiếm được cả trăm ngàn đồng một ngày thì họ vui, còn  
 người Phật tử tụng được nhiều kinh trong một ngày thì rất  
 vui. Như vậy, vui buồn do tâm con người tạo ra mà thôi.

3- Khéo chỉ các tướng chân thật: Tâm bệnh của chúng sanh  
 chỉ chạy theo bên ngoài mà quên mất chân tâm của mình.  
 Thường người đời mắt con gà, con chó, đồng bạc cổ đi tìm,  
 nhưng họ đánh mất chân tâm rồi không thấy ai chịu đi tìm  
 cả, không thấy ai kêu lên là tôi bị mất cái tâm cả. Vì vậy,  
 Đức Phật chỉ cái tướng chân thật là chúng sanh đang bị mất  
 cái tâm của mình để cho chúng sanh nương theo đó tu hành  
 giải thoát. Từ trước chúng ta chỉ ôm giữ những thứ đều giả  
 dối, nay Đức Phật nói kinh Pháp Hoa để chỉ cái tướng chân  
 thật. Đức Khổng Tử đã nói: “Thiết câu giả tử, thiết quốc giả  
 hầu” có nghĩa là người ăn cắp cái lưỡi câu thì bị tử hình, còn  
 người cướp nước thì lại được làm vua. Sau năm 75, ở trong  
 một cái chợ có người đàn ông cứ đi lấy đồ của người ta rồi  
 bỏ chạy, mỗi người bị mất đồ cứ rượt bắt ông ta, ông nói:  
 “Các người xấu lắm, lòng các người không tốt, ta chỉ lấy có  
 một ít đồ thôi mà các người la lối om sòm, các người bị mất  
 cả nước và bị kiểm kê mất tài sản, không thấy ai dám mở  
 miệng nói gì cả, mấy người ăn hiếp ta quá!”

Trước đây Đức Phật nói các pháp chỉ là phương tiện và bây giờ Ngài nói kinh Pháp Hoa, chỉ cái tướng chân thật là tất cả chúng sanh đều thành Phật. Vì vậy, chúng ta tụng kinh Pháp Hoa nhận lời Phật dạy, chúng ta cố gắng tu để được thành Phật.

Ngài Huệ Năng nhờ hiểu được tướng chân thật này nên nói:

*“Hà từ tự tánh bốn tự thanh tịnh,  
Hà từ tự tánh bốn vô sanh diệt.  
Hà từ tự tánh bốn tự cụ túc,  
Hà từ tự tánh bốn vô di động.  
Hà từ tự tánh năng sanh vạn Pháp.”*

Nghĩa là: *“Đâu ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh,  
Đâu ngờ tự tánh vốn không sanh diệt.  
Đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ,  
Đâu ngờ tự tánh vốn không dao động.  
Đâu ngờ tự tánh hay sanh vạn pháp.”*

Hiểu được như vậy mới thành Tổ, thành Phật, cho nên Đức Phật đã dạy: “Tin ta mà không hiểu ta, tức là hủy báng ta”. Một hôm ông Trang Tử đi vào rừng chơi, thấy mấy người đốn gỗ đến ngắm một cây thật lớn, rồi bỏ đi. Ông thắc mắc gọi họ lại để hỏi lý do không chặt, bọn họ bảo cây đó xấu nên mới còn, nếu tốt thì đã chặt rồi. Bấy giờ Trang Tử bảo họ học trò lấy viết ghi: phạm cái gì xấu dở thì còn lại, còn cái tốt, cái hay thì mất.

Sau khi dạo chơi, Trang Tử ghé thăm một người bạn cũ trên đường về, lâu ngày gặp lại, bạn ông rất mừng rồi bảo nhà bếp bắt một trong hai con gà trống làm thịt đãi khách, người đầu bếp mới hỏi lại: một con gà gáy giỏi và một con gà gáy quá dở, vậy thì ông muốn làm thịt con nào? Ông bạn Trang Tử bảo người đầu bếp: cứ bắt con gà gáy dở đó mà làm thịt đi! Trang Tử nghe thấy quá mâu thuẫn hỏi nãy thì cây xấu dở thì sống lâu, bây giờ con vật dở lại chết trước. Lúc đó học trò mới hỏi ông: đời sống của Ngài, Ngài sống chỗ hay, hay là chỗ dở? Trang Tử trả lời: Ta sống ở chỗ giữa đó, không tốt và cũng không xấu, không dở cũng không hay. Cái đó mới sống lâu, còn xấu quá cũng mau chết và tốt quá cũng mau chết, đó là cái tướng chân thật mà đạo Phật gọi Trung đạo. Như chúng ta đã biết rõ cổng tam quan chùa có ba cổng, ở giữa lớn, hai bên nhỏ và nhà có ba gian, gian giữa lớn và toàn bộ triết lý đạo Phật nằm ở đó mà chúng ta đã quên đi. Tam quan nói cho đúng là Tâm quán, chúng ta cần quan sát cho kỹ, bởi lẽ người đời thường chấp có và chấp không. Chấp có là vạn hữu thế gian này đều có, thân này thật có và các pháp đều có thật, nếu rồi được chấp có thì lại chấp không, tất cả đều giả tạo, không có, thường chúng ta chấp có hoặc chấp không, chấp thường hay chấp đoạn, có khứ thì có lai, có xuất thì có nhập, sống trong vòng đối đãi. Ai rồi được chấp có và chấp không thì sẽ đi vào con đường trung đạo.

- Khéo sanh cho mình cái tự một (Tứ tự nhất thừa): Trong kinh Pháp Hoa có nói rõ là tất cả chúng sanh đều có tự tứ nhất thừa. Ví dụ chúng ta hôm nay bắt đầu đi học, đều có cái ý nghĩ là mình sẽ có được văn bằng đại học cử nhân hay tiến sĩ và chúng ta trải qua nhiều năm, nhiều lớp học và cuối cùng lấy được bằng tiến sĩ. Vậy thì chúng ta đã có bằng tiến sĩ ngay từ khi mới đi học và bây giờ lãnh bằng là để hợp thức hóa việc học của chúng ta mà thôi. Bắt đầu tụng kinh tu tập là để khai phóng, diệt hết vô minh, trí tuệ chúng ta khai mở. Như mặt trăng lúc nào cũng có cả, sở dĩ ta không thấy được là vì trái đất quay và bị mây che, nên trăng không sáng đó thôi. Ví dụ nước không bao giờ có sóng, có sóng là gió tác động vào nước nên nổi sóng, như nước trong ao hồ thì không có nổi sóng. Chơn tánh của ta vốn thanh tịnh, thế mà ta sanh ở giữa thế giới Ta Bà đầy nhiễm ô này, chúng ta bị gió bão và có tám thứ gió ngày đêm thổi vào ta phải chịu đảo điên. Tám thứ gió đó là: Lợi, Suy, Hủy, Dự, Tin, Cơ, Khổ, Lạc.

+ Lợi: Lợi lộc, tất cả chúng ta sống trong lợi lộc, mỗi khi có lợi là mừng như vỡ cờ trong bụng. Hôm nay đi buôn lời một trăm ngàn, mai lời được một triệu, hoặc trúng số độc đắc cả chục triệu, như ở Mỹ mỗi lần trúng độc đắc hàng trăm triệu giàu to mừng khôn kể xiết được, chúng ta học hành tài đậu kỹ sư bác sĩ thì mừng, hôm nay làm xã trưởng, ngày mai làm ông huyện trưởng, rồi tỉnh trưởng, ông tổng thống thì quá mừng. Do đó, sống trong thế gian này đều sống trong lợi cả, khi ngọn gió lợi thổi vào con người rồi thì con người không còn là con người nữa, không còn nhân cách con người.

+ Suy: Thất bại, con người một khi thành công đến tột đỉnh chẳng may bị thất bại, họ sẽ đau khổ vô cùng, trước tiên rùng bực bề bầy giờ hai bàn tay trắng làm sao không buồn được.

+ Hủy: Chê bai hủy báng, khi bị chê bai liền nổi giận, bởi lẽ người đời thường hay chê bai, giàu cũng bị chê, nghèo cũng bị chê như thường. Mấy người có học thức lại càng chê bai hơn, mấy ông nhà thơ, nhà văn mỗi lần họp lại thì chê bai hủy báng, mặt sát nhau thật thậm tệ. Như ca dao có câu: “cao chê ngồng, thấp chê lùn, mập chê béo trực béo tròn, gầy chê xương sống, xương sườn lòi ra.” Khi bị chê nếu ai mà giận thì sẽ làm mối cho những kẻ gièm pha, hay như câu chuyện hai cha con dốt ngựa ra chợ bán họ làm cách nào cũng bị thiên hạ chê cả.

- Dự: Khen trước mặt, như khen anh giỏi quá! Chỉ có mấy năm làm ăn mà đã giàu sụ, nhà cửa rộng thênh thang, xe cộ đầy đủ, con cái học thi đậu. Khen cũng là gió độc, vì được khen thì sinh ra ngã mạn, tự cao.

(còn tiếp)

Văn-Thân